

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/6/2024	●	
Tuần 10/6-14/6/2024	●	
Tháng 06/2024	●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index một lần nữa bật tăng lên ngưỡng 1,290 trong ngày hôm nay, tuy nhiên lực bán lại đẩy chỉ số xuống đóng cửa tại mốc 1,287.58 điểm, tăng hơn 4 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Truyền thông dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Du lịch và giải trí, Công nghệ thông tin,... Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí, Bảo hiểm giảm điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Diễn biến thị trường hôm nay không có gì đặc biệt. Thị trường vẫn chưa thoát khỏi xu hướng giằng co tại vùng đỉnh trung hạn với thanh khoản thấp.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 07/06/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+4.02** điểm, đóng cửa tại **1287.58** điểm. HNX-Index **+0.81** điểm, đóng cửa tại **244.99** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+0.97)**, **SAB (+0.78)**, **FPT (+0.76)**, **HVN (+0.62)**, **VNM (+0.31)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.68)**, **BID (-0.21)**, **VPB (-0.19)**, **VIC (-0.19)**, **MSN (-0.17)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15,300** tỷ đồng, giảm **-22.50%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,807 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.9 điểm. Thị trường có **235** mã tăng, **88** mã tham chiếu, **178** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-477.06** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-76.86 tỷ)**, **HPG (-70.38 tỷ)**, **GMD (-64.83 tỷ)**, **VPB (-51.71 tỷ)**, **VHM (-46.08 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.02** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.54%**. Các mã diễn biến tích cực: **POW (+2.95%)**, **TCB (+2.29%)**, **KDH (+2.19%)**.
- BSC50 **+0.28%**. Các mã diễn biến tích cực: **HAH (+3.75%)**, **CSV (+3.36%)**, **VSC (+2.25%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.54%	0.28%	0.31%	0.44%
1 tuần	1.41%	1.30%	1.73%	2.06%
1 tháng	0.44%	1.33%	-0.02%	-0.58%
3 tháng	1.15%	-1.34%	-0.15%	2.15%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,287.58	244.99	98.86
% 1D	0.31%	0.33%	0.55%
GTGD (tỷ VND)	15,300	1,348	1,317
%1D	-22.50%	1.15%	-13.62%
GDNN (tỷ VND)	-477.06	-1.02	-28.85

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HAH	64.02	STB	-76.86
DCM	43.53	HPG	-70.38
POW	31.10	GMD	-64.83
VNM	24.74	VPB	-51.71
HVN	23.50	VHM	-46.08

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,353	-0.02%	2.24%
FTSE100	8,256	-0.35%	-0.23%
Eurostoxx	5,059	-0.15%	1.57%
Shanghai	3,051	0.08%	-1.15%
Nikkei	38,661	-0.22%	0.43%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

	Giá trị	%
Giá dầu Brent	79.95	0.10%
Giá vàng	2,393	0.97%

Tỷ giá

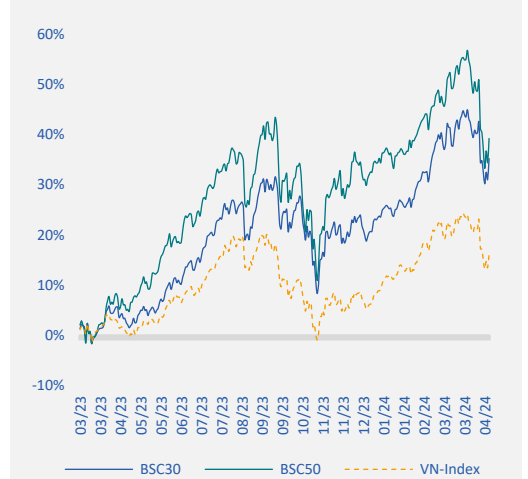
USD/VND	25,453
EUR/VND	28,426
JPY/VND	168

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.8%	-0.01%
LS LNH 1M	4.5%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



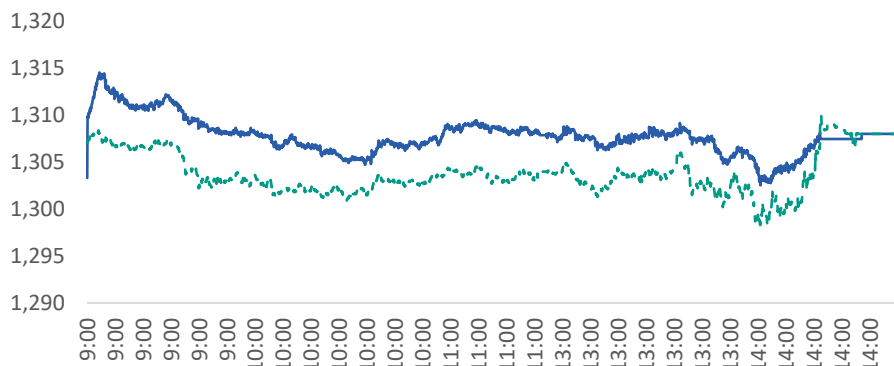
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1307.8	0.87%	54	-50.00%	9/19/2024	104
VN30F2412	1307	0.93%	30	-33.3%	12/19/2024	195
VN30F2407	1308	0.74%	1603	127.70%	7/18/2024	41
VN30F2406	1308	0.72%	228346	-6.77%	6/20/2024	13

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +5.75 điểm, đóng cửa tại 1308.03 điểm. Biên độ dao động 12.03 điểm. Các cổ phiếu như ACV, MCH, MVN, PHP, FOX tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên với biên độ giao động trong ngày lớn. Thanh khoản thị trường vượt ngưỡng MA20. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2407, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTCB2310	10/9/2024	124	2,429,400	-59.75%	3.39	2,110	7.1%	5.90	19.77	49.10	49.10
CTCB2309	9/25/2024	110	424,500	-61.50%	3.39	5,330	7.0%	15.73	18.90	49.10	49.10
CTCB2401	6/19/2024	12	1,200	-62.08%	3.30	7,900	6.8%	23.62	18.62	49.10	49.10
CTCB2312	7/15/2024	38	1,000	-58.42%	3.16	5,930	6.3%	15.79	20.41	49.10	49.10
CTCB2307	8/5/2024	59	13,100	-60.02%	3.30	4,210	5.3%	11.81	19.63	49.10	49.10
CFPT2313	8/9/2024	63	754,900	-62.04%	10.00	4,390	4.5%	13.21	53.90	142.00	142.00
CFPT2316	7/22/2024	45	143,100	-51.90%	8.20	6,010	3.6%	13.38	68.30	142.00	142.00
CFPT2314	1/9/2025	216	860,200	-58.45%	10.00	4,900	3.6%	13.23	59.00	142.00	142.00
CFPT2310	8/5/2024	59	17,100	-53.40%	8.45	7,300	3.3%	16.90	66.18	142.00	142.00
CACB2304	9/25/2024	110	13,200	-68.17%	1.93	2,340	1.7%	9.00	7.83	24.60	24.60
CACB2306	7/22/2024	45	193,800	-67.90%	1.85	2,400	1.7%	9.03	7.90	24.60	24.60
CFPT2317	11/21/2024	167	551,000	-62.36%	10.10	2,890	1.4%	8.81	53.45	142.00	142.00
CMBB2318	9/23/2024	108	68,800	-66.00%	1.76	1,500	1.4%	5.29	7.63	22.45	22.45
CMWG2314	1/9/2025	216	800,300	-65.70%	5.20	1,610	0.6%	5.70	21.30	62.10	62.10
CFPT2318	7/15/2024	38	4,000	-63.11%	9.90	5,310	0.2%	16.52	52.38	142.00	142.00
CMWG2316	8/23/2024	77	373,200	-66.57%	4.80	2,660	-0.7%	9.56	20.76	62.10	62.10
CPDR2305	6/26/2024	19	142,000	-63.79%	1.83	2,060	-1.0%	6.58	9.27	25.60	25.60
CHPG2342	11/21/2024	167	235,800	-63.08%	2.18	950	-1.0%	2.99	10.82	29.30	29.30
CMWG2318	7/22/2024	45	295,000	-61.26%	4.20	3,310	-1.5%	9.65	24.06	62.10	62.10
CVIB2306	8/23/2024	77	17,900	-62.49%	1.61	3,600	-2.2%	11.02	8.40	22.40	22.40

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 07/06/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2307 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 50.00%. CTCB2310 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.42%.
- CFPT2316, CFPT2310, CTCB2312, CFPT2314, và CTCB2310 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2401, CFPT2310, CFPT2318, CTCB2312, và CTCB2309 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
ACV	116.00	2.38%	0.38
MCH	218.50	2.68%	0.26
MVN	20.80	9.47%	0.15
PHP	26.00	11.59%	0.06
FOX	106.90	1.81%	0.06

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VGI	116.00	-0.66%	-0.11
MSR	218.50	-3.41%	-0.04
BSR	20.80	-0.42%	-0.02
VNZ	26.00	-1.77%	-0.02
VCR	106.90	-5.44%	-0.02

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	49.10	2.29%	0.97	3.52
SAB	67.90	3.66%	0.78	1.28
FPT	142.00	1.72%	0.76	1.27
HVN	29.00	3.94%	0.62	2.21
VNM	67.80	0.89%	0.31	2.09

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	88.50	-0.56%	-0.68	5.59
BID	47.75	-0.31%	-0.21	5.70
VPB	18.00	-0.55%	-0.19	7.93
VIC	43.50	-0.46%	-0.19	3.82
MSN	77.60	-0.64%	-0.17	1.43

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	13.80	2.99%	0.20	0.68
DHT	48.00	6.67%	0.19	0.08
BAB	12.50	1.63%	0.13	0.90
HUT	18.80	1.08%	0.13	0.89
NVB	10.10	3.06%	0.12	0.56

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	58.30	-2.83%	-0.15	0.13
KSV	35.30	-1.94%	-0.10	0.20
MBS	33.20	-0.90%	-0.09	0.44
TVC	9.50	-9.52%	-0.08	0.12
NET	99.00	-4.35%	-0.07	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CLW	33.05	6.96%	0.01	0.00
VTO	12.25	6.94%	0.02	2.38
VRC	9.82	6.92%	0.01	0.17
HVH	7.70	6.88%	0.01	1.47
YEG	9.45	6.88%	0.02	4.41

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QBS	1.40	-11.14%	0.00	4.47
POM	3.40	-9.91%	-0.02	3.89
SGR	28.20	-6.38%	-0.02	0.36
NHA	30.70	-5.54%	-0.02	2.78
YBM	11.00	-4.55%	0.00	0.02

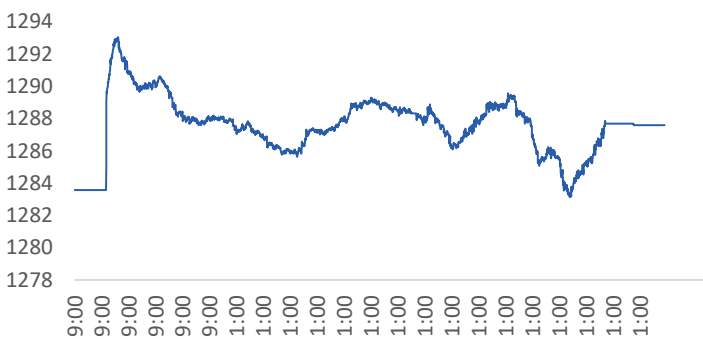
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTP	6.60	3.03%	0.01	0.14
KMT	8.80	0.00%	0.00	0.00
CAN	43.30	0.00%	0.00	0.00
SSM	6.70	0.00%	0.00	0.00
EBS	12.40	-5.65%	-0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MEL	7.00	-10.00%	-0.04	0.00
PPE	13.20	-9.85%	-0.01	0.00
HTP	11.40	-9.65%	-0.34	0.64
TVC	10.50	-9.52%	-0.40	5.75
GLT	23.30	-9.44%	-0.07	0.00

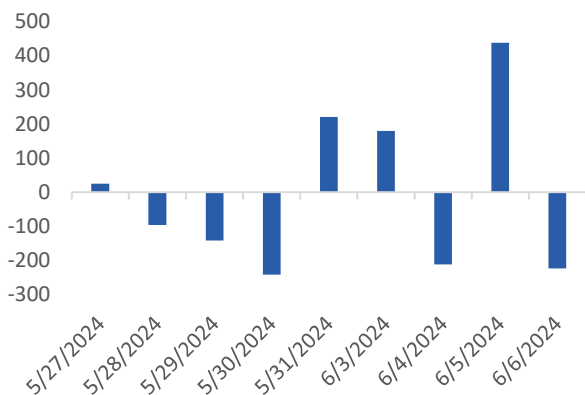
Hình 1
HSX-Index Intraday



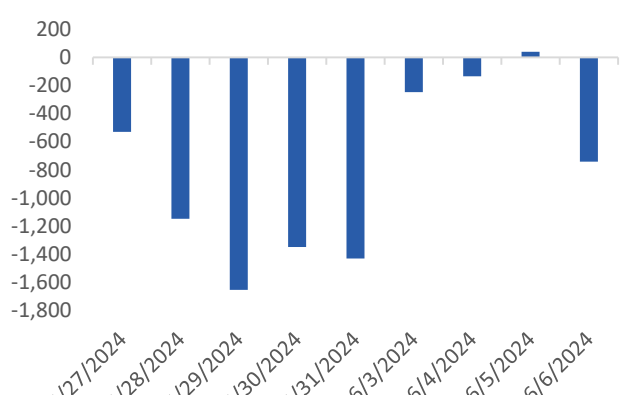
Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	88.5	-0.60%	0.6	19,462	3.9	5,838	15.2	-	23.4%	Link
BID	Ngân hàng	47.8	-0.30%	1.0	10,710	2.3	3,841	12.4	-	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	18.0	-0.60%	1.0	5,619	7.1	1,397	12.9	-	27.2%	Link
TCB	Ngân hàng	49.1	2.30%	1.1	6,805	29.9	5,600	8.8	-	22.4%	Link
MBB	Ngân hàng	22.4	0.40%	1.0	4,670	7.5	3,818	5.9	26,600	23.0%	Link
STB	Ngân hàng	30.8	0.20%	1.0	2,281	15.7	4,206	7.3	-	23.3%	Link
CTG	Ngân hàng	32.8	0.60%	1.2	6,930	5.6	3,751	8.7	-	296.3%	Link
ACB	Ngân hàng	24.6	1.00%	0.8	4,323	5.7	4,072	6.0	-	26.1%	Link
SSI	Chứng khoán	35.4	0.10%	1.2	2,105	9.0	1,704	20.8	-	43.0%	Link
IDC	Xây dựng	61.7	-0.30%	1.2	801	3.7	5,880	10.5	65,700	23.3%	Link
HPG	VLXD	29.3	0.00%	1.2	7,374	17.2	1,601	18.3	41,500	22.9%	Link
HSG	VLXD	23.5	0.00%	1.7	570	8.5	1,423	16.5	-	20.2%	Link
VHM	BĐS	39.0	-0.10%	1.1	6,682	6.9	5,074	7.7	108,300	16.9%	Link
KDH	BĐS	37.3	2.20%	1.4	1,173	4.5	726	51.4	44,500	39.6%	Link
NLG	BĐS	42.6	0.40%	1.5	646	4.8	1,040	41.0	-	49.6%	Link
DGC	Hóa chất	121.8	0.70%	1.5	1,820	9.3	7,845	15.5	115,000	19.2%	Link
DCM	Phân bón	39.1	2.00%	1.3	814	13.9	2,313	16.9	46,100	8.8%	Link
GAS	Dầu khí	80.3	0.00%	0.6	7,257	2.8	4,688	17.1	-	2.1%	Link
PVS	Dầu khí	43.9	0.70%	1.0	826	5.9	1,992	22.0	-	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	31.7	-0.30%	1.2	693	4.0	1,200	26.4	38,400	17.1%	Link
POW	Dầu khí	14.0	3.00%	0.7	1,285	8.0	350	39.9	17,100	4.3%	Link
VHC	Thủy sản	73.8	0.80%	1.2	652	1.2	3,774	19.6	108,500	30.6%	Link
GMD	Logistics	83.4	-0.70%	0.9	1,019	6.7	8,430	9.9	90,400	47.5%	Link
VNM	Bán lẻ	67.8	0.90%	0.6	5,575	11.0	4,408	15.4	93,100	50.6%	Link
MSN	Bán lẻ	77.6	-0.60%	1.4	4,596	14.1	215	360.3	-	26.4%	Link
MWG	Bán lẻ	62.1	0.30%	1.5	3,573	10.5	717	86.6	-	48.4%	Link
PNJ	Bán lẻ	94.6	-0.40%	1.0	1,245	3.5	5,860	16.1	112,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	64.5	1.30%	1.8	424	3.2	2,200	29.3	66,600	23.5%	Link
FPT	Bán lẻ	142.0	1.70%	0.9	7,096	21.0	5,335	26.6	107,900	48.9%	Link
CTR	Hạ tầng	133.7	1.60%	1.1	602	1.2	4,582	29.2	-	9.7%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.7	0.00%	0.9	2,716	4.3	3,809	6.2	1.4	17.9%	25.4%
VIB	Ngân hàng	22.4	0.00%	1.2	2,236	2.5	3,315	6.8	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.1	-0.80%	1.2	1,568	2.5	2,050	8.8	1.2	28.2%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.8	0.00%	1.2	1,165	2.3	2,310	6.4	0.9	29.6%	16.0%
EIB	Ngân hàng	19.8	1.50%	1.0	1,356	6.9	1,147	17.3	1.5	3.3%	10.1%
HCM	Chứng khoán	28.7	-0.30%	1.6	795	5.7	1,175	24.4	2.4	45.5%	8.3%
VCI	Chứng khoán	48.4	0.10%	1.8	832	4.9	1,409	34.3	2.6	19.1%	7.1%
VND	Chứng khoán	17.9	-0.30%	1.5	1,072	4.8	2,057	8.7	1.3	13.3%	13.1%
BSI	Chứng khoán	58.3	-0.20%	1.7	465	0.9	2,208	26.4	2.5	39.8%	9.0%
SHS	Chứng khoán	18.6	0.00%	1.7	595	5.0	1,076	17.3	1.4	9.6%	5.7%
CTD	Xây dựng	72.6	0.40%	1.2	286	2.5	2,709	26.8	0.9	45.6%	2.3%
HHV	Xây dựng	13.6	-0.40%	1.5	220	2.5	833	16.3	0.6	8.5%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.2	0.40%	1.6	92	0.7	655	18.6	0.9	2.3%	4.6%
SZC	Xây dựng	42.2	-0.20%	1.2	298	3.0	1,514	27.8	2.6	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	97.0	1.50%	1.3	694	1.8	5,701	17.0	4.1	1.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	62.2	1.10%	1.1	332	0.7	3,448	18.0	2.2	18.2%	18.3%
DIG	BĐS	27.6	-0.40%	1.9	664	8.3	(38)	-720.3	2.2	4.7%	2.1%
CEO	BĐS	18.6	-0.50%	1.3	377	3.3	312	59.7	1.5	4.8%	2.4%
KBC	BĐS KCN	31.6	0.00%	1.6	954	3.7	1,262	25.0	1.2	21.0%	11.7%
VGC	BĐS KCN	54.8	0.60%	1.3	967	0.6	2,746	20.0	2.5	5.3%	12.5%
GVR	BĐS KCN	35.0	0.60%	1.5	5,509	2.9	628	55.8	2.5	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	25.7	0.00%	1.6	266	5.1	1,222	21.0	1.2	15.2%	2.3%
BMP	Vật liệu	109.0	-1.30%	1.0	351	0.7	11,594	9.4	3.1	83.8%	39.1%
IJC	Hạ tầng	16.3	0.00%	1.5	242	2.1	865	18.8	1.4	4.9%	10.3%
DXG	BĐS	16.7	0.30%	1.9	474	2.6	420	39.8	0.8	19.7%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.2	-1.30%	1.3	1,985	5.7	1,966	11.3	1.3	26.8%	12.4%
PDR	Bất động sản	25.6	-0.60%	1.8	880	3.7	964	26.5	2.0	6.3%	7.2%
DIG	Bất động sản	27.6	-0.40%	1.9	664	8.3	(38)	-720.3	2.2	4.7%	2.1%
HUT	Xây dựng	18.8	1.10%	1.4	660	2.0	73	257.3	1.5	0.0%	0.7%
C4G	Xây dựng	10.2	-1.00%	1.4	-	0.2	433	23.5	1.0	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	70.8	3.40%	1.6	123	3.0	4,370	16.2	2.1	3.3%	16.1%
DHC	Hóa chất	43.9	-0.20%	1.1	139	0.7	3,461	12.7	1.9	39.4%	17.2%
DRC	Cao su	35.1	0.00%	0.7	164	0.9	2,286	15.4	2.2	13.0%	13.2%
PC1	Điện	28.8	0.00%	1.3	353	2.7	651	44.3	1.2	7.9%	4.1%
HDG	BĐS	34.1	-1.00%	1.3	410	9.0	2,061	16.5	1.4	17.5%	12.9%
GEX	Điện	23.9	1.30%	1.8	801	14.7	625	38.3	0.9	9.5%	4.1%
QTP	Điện	16.8	-1.80%	0.6	-	0.9	1,549	10.8	1.4	1.2%	10.8%
PLX	O&G	41.5	-1.00%	0.9	2,075	2.5	2,570	16.1	1.7	17.5%	10.7%
BSR	O&G	23.7	0.00%	1.1	-	6.0	2,588	9.2	1.3	0.0%	15.6%
PLC	O&G	28.9	-0.30%	1.5	92	0.3	1,112	26.0	1.8	0.4%	8.4%
ANV	Thủy sản	34.8	1.80%	1.4	182	2.4	(252)	-137.6	1.6	0.8%	1.5%
PTB	Gỗ	73.0	0.10%	0.7	192	0.7	4,765	15.3	1.8	24.3%	10.6%
VSC	Logistics	22.7	2.30%	1.4	238	13.7	532	42.6	1.8	3.1%	6.2%
HAH	Logistics	44.2	3.80%	1.4	184	22.0	3,081	14.4	1.4	4.1%	12.1%
VTP	Logistics	79.3	0.10%	1.4	380	2.5	2,980	26.6	5.9	6.8%	25.6%
DBC	Logistics	35.4	1.40%	1.7	337	5.1	1,729	20.4	1.8	11.7%	0.5%
FRT	Bán lẻ	170.0	0.60%	0.8	911	2.7	(2,548)	-66.7	11.3	35.4%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.4	-0.20%	0.6	-	1.2	6,737	7.5	2.0	15.3%	27.3%
TNG	Dệt may	26.4	1.50%	1.2	118	2.6	1,981	13.3	1.6	19.4%	12.5%
PVT	O&G	30.6	1.00%	0.9	429	6.8	3,150	9.7	1.1	13.1%	14.3%
DPM	Phân bón	39.0	1.20%	1.2	600	8.9	1,372	28.4	1.3	8.8%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639